

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **56/2019/DS-ST**

Ngày: 26 - 11 - 2019

*“V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự góp hui”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Ông Trần Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng dân sự góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Th T A, xã Đ Th, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: - Ông Trần Văn Tỷ A, sinh năm 1979 (vắng mặt)

- Bà Thị Hồng T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Th T A, xã Đ Th, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2019 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày và yêu cầu như sau:**

Bà H có tham gia góp hui do ông Trần Văn Tỷ A và bà Thị Hồng T làm chủ hui, cụ thể như sau:

- Hụi 3.000.000 đồng, mở hụi vào ngày 25/9/2017 âm lịch, 01 tháng xổ hụi 01 lần vào ngày 25 hàng tháng, hụi có 28 phần, bà tham gia góp 02 phần. Bà góp hụi cho bà T, ông Tỷ A tổng cộng 16 lần x 02 phần thì bà T, ông Tỷ A úp hụi nhưng không giao số tiền hụi còn thiếu cho bà. Số tiền thực đóng của từng phần hụi bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu. Tổng cộng bà T, ông Tỷ A nợ bà 02 phần x 3.000.000 đồng/phần x 16 lần = 96.000.000 đồng.

- Hụi 2.000.000 đồng, mở hụi vào ngày 10/12/2017 âm lịch, 01 tháng xổ hụi 01 lần vào ngày 10 hàng tháng, hụi có 20 phần, bà tham gia góp 01 phần. Bà góp hụi cho bà T, ông Tỷ A tổng cộng 10 lần thì bà T, ông Tỷ A úp hụi nhưng không giao số tiền hụi còn thiếu cho bà. Tổng cộng bà T, ông Tỷ A nợ bà 01 phần x 2.000.000 đồng/phần x 10 lần = 20.000.000 đồng. Sau đó, bà T, ông Tỷ A trả cho bà được 6.580.000 đồng, còn nợ lại 13.420.000 đồng.

Tổng cộng vợ chồng bà T, ông Tỷ A nợ bà 109.420.000 đồng, trừ tiền hoa hồng của 03 phần hụi là 4.000.000 đồng, còn lại 105.420.000 đồng.

Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh của bà T và ông Tỷ A cũng gặp khó khăn nên bà chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tỷ A và bà T phải trả cho bà 100.000.000 đồng.

*** Tại biên bản ngày 05/8/2019 bị đơn bà Thị Hồng T trình bày như sau:**

Bà T xác định vợ chồng bà có làm chủ hụi và bà H có tham gia góp các phần hụi mà vợ chồng bà làm chủ. Về nội dung các dây hụi, thời gian mở hụi, số lượng các phần hụi mà bà H đã góp cho vợ chồng bà là đúng như lời trình bày của bà H.

Do nhiều người tham gia góp hụi, sau khi lĩnh các phần hụi thì không góp hụi chết cho vợ chồng bà, nên vợ chồng bà không có khả năng trả tiền hụi còn thiếu cho bà H mà phải tuyên bố bế hụi.

Nay bà thừa nhận vợ chồng bà nợ chị H tổng cộng 109.420.000 đồng, trừ tiền hoa hồng của 03 phần hụi là 4.000.000 đồng, còn lại 105.420.000 đồng.

Theo yêu cầu của bà H, bà đồng ý cùng với ông Tỷ A trả cho bà H 100.000.000 đồng, nhưng xin trả dần cụ thể như sau: Ngày 20/9/2019 âm lịch trả 40.000.000 đồng; ngày 20/10/2019 âm lịch trả 20.000.000 đồng; ngày 20/11/2019 âm lịch trả 20.000.000 đồng; ngày 20/12/2019 âm lịch trả 20.000.000 đồng.

*** Bị đơn ông Trần Văn Tỷ A vắng mặt không có lời trình bày.**

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H yêu cầu vợ chồng ông Tỷ A, bà T trả 100.000.000 đồng tiền hui.

- Bị đơn ông Trần Văn Tỷ A và bà Thị Hồng T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Bị đơn ông Trần Văn Tỷ A không có mặt theo các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm, mặc dù Tòa án đã thông báo hợp lệ; bà T vắng mặt tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Trần Văn Tỷ A, bà Thị Hồng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) nhưng bị đơn ông Trần Văn Tỷ A đều vắng mặt không lý do, Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên họp hòa giải bà H và bà T thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không giao được biên bản hòa giải thành cho ông Tỷ A nên Tòa án không ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn ông Trần Văn Tỷ A, bà Thị Hồng T vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa lần thứ nhất, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn ông Trần Văn Tỷ A, bà Thị Hồng T vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn Tỷ A, bà Thị Hồng T, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự góp hui.

[3] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên hòa giải ngày 05/8/2019 bà H yêu cầu bà T và ông Tỷ A trả cho bà H 100.000.000 đồng tiền hội, do bà T và ông Tỷ A úp hội mà ông Tỷ A, bà T không trả lại tiền mà bà H đã góp hội, bà T thừa nhận và đồng ý trả lại cho bà H 100.000.000 đồng và đã thỏa thuận được với nhau về phương thức trả nợ, án phí nhưng do vắng mặt ông Tỷ A nên Tòa án không ra quyết định công nhận mà phải mở phiên tòa theo quy định của pháp luật. Trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã nhiều lần đến nơi cư trú của ông Tỷ A để lấy lời khai nhưng ông Tỷ A đều không có mặt tại nơi cư trú. Theo lời trình bày của bà T thì bà T cùng với ông Tỷ A mở hội và còn nợ bà H. Do đó sau khi thảo luận, nghị bàn, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà H, cũng như đề nghị của kiểm sát viên, áp dụng Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường. Buộc ông Trần Văn Tỷ A, bà Thị Hồng T trả cho bà Nguyễn Thị H 100.000.000 đồng.

[4]Về án phí: Ông Trần Văn Tỷ A, bà Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ (100.000.000đ x 5%); bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số: 0006305 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6, khoản 2 Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội, họ, biên, phường.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Trần Văn Tỷ A, bà Thị Hồng T trả cho bà Nguyễn Thị H 100.000.000 đồng tiền hội (Một trăm triệu đồng).

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc ông Trần Văn Tỷ A, bà Thị Hồng T chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị H 2.735.500 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0006305 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh.

- Báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Trần Văn Tỷ A, bà Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

- Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV/A, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

